ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 376 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quyết định số 1960/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế

Thực hiện Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế *(sau đây viết tắt là Quyết định số 1960/QĐ-TTg),* Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các nội dung nêu tại Thông báo số 159-TB/VPTW ngày 29 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế *(sau đây viết tắt là Thông báo số 159-TB/VPTW)* và Quyết định số 1960/QĐ-TTg, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội, trong đó chuyển mạnh tư duy từ hỗ trợ mang tính bình quân, bao cấp sang xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, lấy người dân làm trung tâm, gia đình và cộng đồng làm nền tảng; bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện phải bám sát định hướng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 159-TB/VPTW và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1960/QĐ-TTg; xác định cụ thể nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện theo phương châm "6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả".

b) Việc triển khai thực hiện Thông báo số 159-TB/VPTW phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện, kịp thời, hiệu quả, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

c) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá kết quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh và định hướng của Trung ương.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Quan điểm

a) Bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, là đầu tư cho con người và tương lai phát triển đất nước. Hiệu quả chính sách an sinh xã hội phải được đo lường bằng sức khoẻ, giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực, sự ổn định xã hội và niềm tin của Nhân dân.

b) An sinh xã hội phải bao phủ toàn dân, đồng thời ưu tiên nguồn lực cho những người yếu thế, nhất là trẻ em, người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người gặp thiên tai, mất việc làm, nạn nhân của bạo lực và những người không có khả năng tự bảo vệ.

c) An sinh bền vững phải dựa trên việc làm, thu nhập ổn định, khả năng tiếp cận nhà ở, y tế, giáo dục, dinh dưỡng, chăm sóc trẻ em và các dịch vụ thiết yếu.

d) Lấy người dân làm trung tâm; gia đình, cộng đồng làm nền tảng; cấp cơ sở là tuyến đầu hành động. Chính sách cần được thiết kế sát với thực tế, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính hay cơ quan quản lý. Nhà nước phải chủ động phát hiện, hỗ trợ đúng người, đúng lúc, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, trên cơ sở kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, bảo đảm dữ liệu cá nhân và chuẩn hóa dữ liệu định danh theo quy định của pháp luật.

đ) Bảo đảm hài hoà giữa công bằng và hiệu quả, nhân văn và kỷ luật, quyền lợi trước mắt và bền vững lâu dài; khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải; không để những quy định "máy móc" loại những người thực sự khó khăn ra khỏi chính sách.

e) Đánh giá kết quả bằng những thay đổi thực chất trong đời sống và niềm tin của Nhân dân; không chỉ thống kê số văn bản, số người thụ hưởng hay số tiền đã chi, mà phải bảo đảm chính sách đến đúng người, kịp thời, giảm gánh nặng chi phí, tạo việc làm cho người trong độ tuổi lao động, bảo đảm trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

2. Mục tiêu và yêu cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Mục tiêu

Đến năm 2030, hình thành cơ bản hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, số hoá, bảo đảm sàn an sinh tối thiểu cho tất cả người dân. Đến năm 2045, hệ thống phải tiếp cận chuẩn mực của các nước phát triển có thu nhập cao, dịch vụ chất lượng, tài chính bền vững, quản trị minh bạch và khả năng ứng phó nhanh trước các rủi ro.

b) Yêu cầu

- Sàn an sinh tối thiểu phải bảo đảm chăm sóc y tế thiết yếu, thu nhập cơ bản và điều kiện phát triển cho trẻ em, hỗ trợ người trong độ tuổi lao động khi mất việc, mất sinh kế, thai sản, tai nạn, khuyết tật; bảo đảm thu nhập và chăm sóc thiết yếu cho người cao tuổi. Trên nền tảng đó, tiếp tục phát triển các tầng bảo hiểm bắt buộc, tự nguyện, bổ sung và huy động sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình.

- An sinh xã hội phải được đặt trong mối quan hệ gia đình và liên thế hệ; việc làm, thu nhập của cha mẹ gắn liền với điều kiện sống, chăm sóc và học tập của các con. Chính sách phải được đánh giá bằng lợi ích thực chất đối với mỗi người dân, sự bền vững của gia đình và tương lai của thế hệ sau. Tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau" phải được cụ thể hoá bằng kết quả có thể kiểm tra, giám sát; không để người dân rơi xuống dưới mức sống tối thiểu mà không được phát hiện, trẻ em bỏ học vì nghèo, người khuyết tật đặc biệt nặng không có người chăm sóc, gia đình gặp thiên tai phải chờ đợi quá lâu mới được hỗ trợ.

- An sinh xã hội cần phải có tầm nhìn dài hạn, xác định đúng ưu tiên, tổ chức thực hiện hiệu quả. Nguồn lực chi cho an sinh xã hội không chỉ có ngân sách nhà nước mà còn là trách nhiệm chung của cộng đồng và ý chí, nghị lực của mỗi người dân. Đột phá quan trọng nhất không chỉ là tăng mức trợ cấp mà là nâng cao năng lực của Nhà nước trong việc phát hiện, lắng nghe và hỗ trợ người dân kịp thời; bảo đảm các chính sách được thực hiện đồng bộ, phòng ngừa tốt rủi ro và tạo điều kiện để người dân tự vươn lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của chính sách an sinh xã hội trong chính sách xã hội

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đầy đủ nội dung Thông báo số 159-TB/VPTW và Quyết định số 1960/QĐ-TTg đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị nhằm tạo sự thống nhất,

nâng cao và chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, địa phương và toàn xã hội về công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế; vai trò, vị trí của an sinh xã hội trong tổng thể hệ thống chính sách xã hội và trong chiến lược phát triển đất nước; xác định bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, là đầu tư cho con người, góp phần bảo đảm ổn định xã hội, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Thiết lập hồ sơ an sinh và đầu mối phục vụ người dân

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và triển khai Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội quốc gia, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm, thuế, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở và thiên tai, bảo đảm an ninh, an toàn và quyền riêng tư. Mỗi người dân có một hồ sơ an sinh theo vòng đời; mỗi gia đình được đánh giá đầy đủ về nhu cầu hỗ trợ.

Bố trí đầu mối thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội tại cấp xã phù hợp với tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và điều kiện thực tiễn; tăng cường hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết chính sách an sinh xã hội, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi, kịp thời các chế độ, chính sách và dịch vụ hỗ trợ.

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong quá trình xây dựng bộ chỉ số quốc gia về an sinh xã hội; tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá và cung cấp thông tin, số liệu theo bộ chỉ số sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; kịp thời phát hiện, khắc phục tình trạng bỏ sót đối tượng, chậm giải quyết chế độ, chính sách, kéo dài thời gian xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

3. Củng cố sàn an sinh, cải cách chính sách trợ giúp xã hội

Tổ chức rà soát, hợp nhất các chương trình trùng lặp, giảm đầu mối, thống nhất tiêu chí cốt lõi theo thẩm quyền, kiến nghị cấp có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền, đồng thời dành dư địa để địa phương xử lý những vấn đề đặc thù. Tham gia rà soát, đề xuất mức trợ giúp phải được điều chỉnh phù hợp với mức sống tối thiểu, biến động giá cả và khả năng ngân sách, hỗ trợ bổ sung kịp thời những người gặp biến cố.

4. Mở rộng bảo hiểm xã hội, xây dựng thị trường lao động bao trùm

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong việc nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai các gói bảo hiểm linh hoạt về mức đóng, thời gian đóng và phương thức tham gia, có hỗ trợ phù hợp đối với người thu nhập thấp; phối hợp nghiên cứu, xác định trách nhiệm đóng góp của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp cung

cấp nền tảng số (gọi xe, taxi công nghệ...); triển khai chính sách mở rộng bảo hiểm tai nạn lao động và chế độ thai sản cho khu vực phi chính thức.

Gắn chính sách trợ giúp người trong độ tuổi lao động với đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm, tín dụng và kết nối doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả đào tạo bằng kết quả việc làm thực tế, không chỉ bằng số người tham dự.

Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng người khuyết tật, người sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù và lao động lớn tuổi theo quy định.

Thực hiện giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho đối tượng dễ bị tổn thương, yếu thế. Ưu tiên hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, triển khai thí điểm mô hình sinh kế đối với hộ gia đình có người cao tuổi, người khuyết tật; ưu tiên được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định để tạo việc làm, tăng thu nhập.

5. Xây dựng hệ thống an sinh gia đình và liên thế hệ

Rà soát, bổ sung, thực hiện quy hoạch, phát triển cụm công nghiệp, khu công nghiệp, đô thị bảo đảm đồng bộ giữa việc làm với nhà ở xã hội, trường học, cơ sở y tế, nhà trẻ và các dịch vụ thiết yếu. Bảo đảm chính sách an sinh theo người lao động, không bị gián đoạn bởi nơi cư trú hay loại hình việc làm theo quy định. Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động phải cùng chia sẻ trách nhiệm về phát triển nhà ở, trường học, nhà trẻ và thiết chế xã hội. Đặc biệt quan tâm trẻ em sống xa cha mẹ, trẻ em do ông bà chăm sóc và gia đình có nhiều người phụ thuộc. Không để khó khăn của thế hệ trước trở thành thiệt thòi của các thế hệ sau.

6. Phát triển kinh tế chăm sóc, chủ động ứng phó già hóa dân số

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về kinh tế chăm sóc, kết hợp y tế, phục hồi chức năng, công tác xã hội và chăm sóc tại gia đình, cộng đồng. Phát triển mạng lưới chăm sóc ban ngày, chăm sóc tạm thời, trợ giúp người khuyết tật, chăm sóc giảm nhẹ và hỗ trợ sức khỏe tâm thần. Phối hợp nghiên cứu, triển khai thí điểm bảo hiểm chăm sóc dài hạn khi được cấp có thẩm quyền lựa chọn, hướng dẫn; đánh giá kỹ tác động tài chính trước khi nhân rộng. Đồng thời, triển khai thực hiện các quy định về chuẩn hóa nghề chăm sóc, đào tạo và chính sách đối với nhân viên công tác xã hội, điều dưỡng và người chăm sóc tại nhà. Triển khai mô hình nhà xã hội chăm sóc người cao tuổi độc thân, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, bảo đảm người cao tuổi không phải sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

Triển khai kịp thời chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, lập sổ theo dõi sức khỏe người cao tuổi tại y tế tuyến xã, ưu tiên nhóm từ 75 tuổi trở lên và từng bước mở rộng đến nhóm từ 65 tuổi trở lên theo lộ trình,

hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức khám, chữa bệnh tại nhà cho người cao tuổi không có điều kiện đến cơ sở y tế theo quy định. Phát triển chuyên khoa lão khoa tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở để phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, phục hồi chức năng và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em ngay từ những năm đầu đời.

7. Bảo đảm cơ hội phát triển công bằng cho trẻ em và người yếu thế

Ưu tiên đầu tư cho 1.000 ngày đầu đời (dinh dưỡng, tiêm chủng, giáo dục mầm non, sàng lọc khuyết tật và can thiệp sớm). Hỗ trợ đối tượng yếu thế ở các cấp học phổ thông, cơ sở đào tạo nghề, hướng nghiệp. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đặc thù; ứng dụng hệ thống học liệu chuyên dụng phục vụ chuyển đổi ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi cho học sinh khiếm thị; bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với phương pháp giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm người khuyết tật tiếp cận công trình công cộng, giao thông, giáo dục, y tế và dịch vụ số. Triển khai các giải pháp khuyến khích người dân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh, khám sàng lọc một số loại bệnh phổ biến, nguy hiểm, phù hợp với từng lứa tuổi và nhóm đối tượng.

8. Nâng cao khả năng thích ứng với thiên tai, dịch bệnh và quá trình phát triển xanh

Rà soát, xây dựng, cập nhật bản đồ rủi ro trên địa bàn tỉnh; lập danh sách các hộ gia đình dễ bị tổn thương và xây dựng giải pháp ứng phó tại từng địa phương. Khi xảy ra thiên tai, chủ động kích hoạt cơ chế chia sẻ dữ liệu, huy động ngân sách và hệ thống thanh toán theo quy định để rút ngắn thời gian hỗ trợ từ nhiều tuần xuống còn vài ngày đối với các trường hợp đã đủ căn cứ. Gắn các chương trình phát triển, thu hồi đất, sắp xếp sản xuất với phương án về việc làm, thu nhập, sinh kế; triển khai phương án đào tạo lại, hỗ trợ di chuyển, bảo hiểm thất nghiệp và tạo việc làm tại chỗ theo quy định; không để người nghèo và người lao động yếu thế phải gánh chịu bất lợi của quá trình phát triển.

9. Đổi mới quản trị, tài chính và giám sát xã hội

Xây dựng kế hoạch tài chính an sinh trung hạn của tỉnh; công khai nguồn lực, kết quả của từng chương trình, rà soát, cắt giảm chính sách trùng lặp, kém hiệu quả theo thẩm quyền. Huy động nguồn lực xã hội nhưng bảo đảm vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong thực hiện sàn an sinh tối thiểu. Xử lý nghiêm theo thẩm quyền các hành vi trục lợi chính sách, thiếu trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm; khuyến khích, bảo vệ cán bộ cơ sở dám quyết định, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân trong những tình huống cấp thiết theo quy định của pháp luật.

10. Triển khai Chương trình hành động quốc gia về hiện đại hóa hệ thống an sinh xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương trong việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia về hiện đại hóa hệ thống an sinh xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, nguồn lực và kết quả; trước mắt tập trung chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, hoàn thiện, đơn giản hóa quy trình xác định đối tượng, giải quyết và chi trả chế độ, chính sách.

(Có Phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Lồng ghép kinh phí thực hiện Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời huy động các nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và theo nguyên tắc *"6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả"*.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế

hoạch, bảo đảm chất lượng, tiến độ; chủ động bố trí nhân lực, kinh phí và huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ được giao; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan, tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ và nguồn lực.

c) Thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hằng năm ***(trước ngày 05 tháng 12)*** hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) những khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền hoặc nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan Trung ương có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Phối hợp rà soát, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện các chính sách an sinh xã hội; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc tổ chức thực hiện chính

sách, nhất là các chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các nhóm yếu thế.

b) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc nắm bắt tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, cần được hỗ trợ. Đẩy mạnh vận động, huy động các nguồn lực xã hội, phối hợp tổ chức các hoạt động chăm lo, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và các nhóm yếu thế, bảo đảm công khai, minh bạch, thiết thực, hiệu quả.

5. Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh

a) Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện các chính sách an sinh xã hội; phát huy trách nhiệm trong tạo việc làm bền vững, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, cơ hội bình đẳng cho người lao động, nhất là người lao động thuộc nhóm yếu thế.

b) Tích cực tham gia phát triển doanh nghiệp xã hội, quỹ cộng đồng, dịch vụ chăm sóc, công nghệ trợ giúp theo hướng minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động đề xuất, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, VP7.

Hue_VP7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Anh Chức